

DIVICO

Make Different

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP ĐIỆN VIỆT 2022

DV



SmartGen



SELEC
Creating Best Value



Prok dv's[®]



DiVEC

MỤC LỤC

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN SELEC - ẤN ĐỘ	1
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN Kael - THỔ NHĨ KỲ	16
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN PRECISE - ẤN ĐỘ	24
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN PROK DEVICES - ẤN ĐỘ	27
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ATS KYUNG DONG - HÀN QUỐC	29
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN SMARTGEN, DEEPSEA	30
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ RELAY ĐIỆN TỬ OPR - HÀN QUỐC	33

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN SELEC - ẮN ĐỘ - 2022

ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01/12/2021

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
ĐỒNG HỒ TỬ ĐIỆN DẠNG SỐ HIỂN THỊ DẠNG LED			
	MA12 (48x96)	- Đồng hồ đo Dòng điện AC gián tiếp - Hiển thị 4 số, dạng LED 7 đoạn - Cài đặt hệ số CT: 5 - 4000A	374,000
	MA202 (72x72)	- Dải hiển thị: 0 - 4960A - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz)	405,000
	MA302 (96x96)	- Bảo vệ mặt trước: IP65 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	405,000
	MA335 (96x96)	- Đồng hồ đo Dòng điện AC gián tiếp - Hiển thị 4 số, dạng LED 7 đoạn - Cài đặt hệ số CT: 1/5 - 999 KA - Dải hiển thị: 0 - 999 KA - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây hoặc 3 pha 3/4 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP40 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	562,000
	MV15 (48x96)	- Đồng hồ đo Điện áp - Hiển thị 3 số, dạng LED 7 đoạn - Dải hiển thị: 0 - 516V	374,000
	MV205 (72x72)	- Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz)	374,000
	MV305 (96x96)	- Bảo vệ mặt trước: IP65 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	374,000
	MV334 (96x96)	- Đồng hồ đo Điện áp trung và hạ thế - Hiển thị 4 số, dạng LED 7 đoạn - Cài đặt hệ số PT sơ cấp: 100 ~ 999 KV - Cài đặt hệ số PT thứ cấp: 100 ~ 500 V - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây hoặc 3 pha 3/4 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP40 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	499,000
	MF16 (48x96)	- Đồng hồ đo Tần Số - Hiển thị 4 số, dạng LED 7 đoạn	437,000
	MF216 (72x72)	- Dải đo lường: 45 - 65Hz - Độ phân giải: 0.01 - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây	450,000
	MF316 (96x96)	- Nguồn cấp: AC: 240V AC $\pm 20\%$, (45 - 65Hz) - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm	450,000

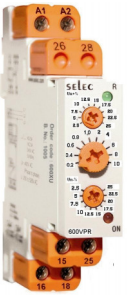
Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
ĐỒNG HỒ TỬ ĐIỆN DẠNG SỐ HIỂN THỊ DẠNG LCD			
	MA501 (48x48)	Đồng hồ đo Dòng điện AC - Hiển thị 4 số, dạng LCD - Cài đặt hệ số CT: 5 - 5000A - Dải hiển thị: 0 - 6200A - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP65 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm - Có biểu đồ hiển thị % tải	574,000
	MA201 (72x72)		636,000
	MA2301 (72x72)	Đồng hồ đo Dòng điện AC 3 pha - Hiển thị 4 số, dạng LCD - Cài đặt hệ số CT: 5 - 5000A - Dải hiển thị: 0 - 6200A - Mạng kết nối: 3 pha 4 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP54 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm - Có biểu đồ hiển thị % tải	767,000
	MV507 (48x48)	Đồng hồ đo Điện áp - Hiển thị 3 số, dạng LCD - Dải hiển thị: 0 - 516V AC - Mạng kết nối: 1 pha 2 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz) 110V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP65 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm - Có biểu đồ hiển thị % điện áp	562,000
	MV207 (72x72)		624,000
	MV2307 (72x72)	Đồng hồ đo Điện áp AC 3 pha - Hiển thị 3 số, dạng LCD - Dải hiển thị: 0 - 516V AC - Mạng kết nối: 3 pha 3 dây, 3 pha 4 dây - Nguồn cấp: AC: 240V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz) 110V AC $\pm 20\%$, (50 / 60Hz) - Bảo vệ mặt trước: IP54 - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm - Có biểu đồ hiển thị % điện áp	736,000
ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN ÁP, DÒNG ĐIỆN VÀ TẦN SỐ			
	VAF36A / VAF39A (96x96)	Đồng hồ đo: Điện áp, dòng điện và tần số - Hiển thị 3 hàng, 3 số, dạng LCD - Cài đặt hệ số CT: 5A - 10.000A - Mạng kết nối: 3 pha - 4 dây, 3 pha - 3 dây, 2 pha - 3 dây & 1 pha - 2 dây - Cài đặt hệ số PT Sơ cấp: 100V - 500kV - Cài đặt hệ số PT Thứ cấp: 100 - 500V AC (L-L) - Đo được điện áp trung và cao thế - Nguồn cấp: 230V AC $\pm 20\%$	1,545,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
	MX300 (96x96)	- Đồng hồ đo: Điện áp, dòng điện, tần số, hệ số công suất, công suất tiêu thụ, công suất phản kháng, công suất biểu kiến - Hiển thị 1 hàng, 3 số, dạng LED - Cài đặt hệ số CT: 5A - 9999A - Mạng kết nối: 1 pha - 2 dây - Cài đặt hệ số PT Sơ cấp: 100V - 500kV - Cài đặt hệ số PT Thứ cấp: 100 - 500V AC (L-L) - Đo được điện áp từ hạ thế đến cao thế - Nguồn cấp: 85-276 VAC/VDC - Có cổng truyền thông RS485 (MX300-C) - Ngõ ra: 1 C / O (NO 5A @ 250V AC) (MX300-C) - Phím nhấn cảm ứng	634,000
	MX300-C (96x96)		927,000
ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN NĂNG			
	EM306-A (96x96)	Đồng hồ đo điện năng tiêu thụ KWh - Hiển thị 6 số, dạng LED - Chiều cao của LED hiển thị: 14.2 mm - Cài đặt hệ số CT: 1 / 5A - 10.000A - Độ phân giải: 0.01, 0.1, 1 & 10 - Mạng kết nối: 3 pha - 4 dây, 3 pha - 3 dây, 2 pha - 3 dây & 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: xung áp 24VDC / dòng 100mA - Độ chính xác: cấp 1 - Có password bảo vệ - Nguồn cấp: 230V AC $\pm$ 20%	1,621,000
	EM368-C (96x96)	Đồng hồ đo: Pf, kWh, kVArh, kVAh, kW & kVAR - Hiển thị 8 số, dạng LCD - Chiều cao của LED hiển thị: 10.5 mm - Cài đặt hệ số CT: 1 / 5A ~ 10.000A - Độ phân giải: 0.01, 0.1, 1 & 10 - Mạng kết nối: 3 pha - 4 dây, 3 pha - 3 dây, 2 pha - 3 dây & 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: xung áp 24VDC / dòng 100mA - Độ chính xác: cấp 1 - Cài đặt hệ số PT: 100 ~ 500kV / 100 ~ 500VAC - Nguồn cấp: 85 - 270V AC/DC - Truyền thông MODBUS RTU	2,244,000
ĐỒNG HỒ ĐO ĐA CHỨC NĂNG			
	EM2M-1P-C-100A	Đồng hồ đo: V, A, Hz, Pf, kW, kVA, kVAR và đo kWh, KVAh, KVArh, công suất hai chiều - Hiển thị LCD 1.4 inch - Đo dòng trực tiếp 100A - Mạng kết nối: 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: 2 xung áp 24VDC / dòng 100mA - Độ chính xác: cấp 1 - Có password bảo vệ - Nguồn cấp: 176 to 276V AC (L - N) - Truyền thông MODBUS RS485	1,370,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
	EM4M-3P-C-100A	Đồng hồ đo: V, A, Hz, Pf, kW, kVA, kVA_r và đo kWh, KVAh, KVA_rh, công suất hai chiều - Hiển thị LCD: 1.8 inch - Đo dòng trực tiếp 100A - Mạng kết nối: 1P2W, 3P3W, 3P4W. - Độ chính xác: Cấp 1 - Ngõ ra: 2 xung áp 24VDC / dòng 100mA - Có password bảo vệ - Điện áp cấp vào: 85-285VAC(LN), 120-494VAC(LL) - Truyền thông MODBUS RS485	3,605,000
	MFM383A (96x96)	Đồng hồ đo: V, A, Hz, Pf, kW, kVA, kVA_r và đo kWh, KVAh, KVA_rh - Hiển thị 3 hàng, 4 số, dạng LCD - Hàng thứ 4: 8 số (dành cho điện năng) - Cài đặt hệ số CT: 1A / 5A - 10.000A - Mạng kết nối: 3 pha - 4 dây, 3 pha - 3 dây, 2 pha - 3 dây & 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: xung áp 24VDC / dòng 100mA - Độ chính xác: cấp 1 (dành cho điện năng) - Cài đặt hệ số PT: 100 ~ 10.000V / 100 ~ 500VAC - Có password bảo vệ - Nguồn cấp: 85 - 270V AC - Truyền thông MODBUS (MFM383A-C)	2,307,000
	MFM383A-C (96x96)		2,805,000
	MFM284 (72x72)	Đồng hồ đo: V, A, Hz, Pf, kW, kVA, kVA_r, kWh, kVA_rh, kVAh và đo kWh, kVAh & kVA_rh - Đo và hiển thị sóng hài THD của điện áp, dòng điện - Hiển thị 4 hàng, 4 số, dạng LCD - Hàng thứ 5: 8 số (dành cho điện năng) - Cài đặt hệ số CT: 1A / 5A - 10.000A - Mạng kết nối: 3 pha - 4 dây, 3 pha - 3 dây, 2 pha - 3 dây & 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: xung áp / dòng 24VDC / dòng 100mA - Độ chính xác: cấp 1 (dành cho điện năng) - Cài đặt hệ số PT: 100 ~ 500kV / 100 ~ 500VAC - Nguồn cấp: 85 - 270V AC - Truyền thông MODBUS (MFM384-C)	2,805,000
	MFM384-C (96x96)		3,428,000
	MFM384-R-C (70x90)	Đồng hồ đo: V, A, Hz, Pf, kW, kVA, kVA_r, kWh, kVA_rh, kVAh, Tổng kWh, kVAh & kVA_rh - Hiển thị 3 hàng, bằng LCD có đèn nền - Số hiển thị: 1 hàng x 4 số, 2 hàng x 7 số hoặc 3 hàng x 7 số - Cài đặt hệ số CT: 5A - 10.000A - Mạng kết nối: 3 pha 3/4 dây, 1 pha - 2 dây - Ngõ ra: xung áp / dòng 24VDC / dòng 100mA - Độ chính xác: cấp 1 (dành cho điện năng) - Cài đặt hệ số PT Sơ cấp: 100V - 500kV - Cài đặt hệ số PT Thứ cấp: 100 - 500V AC (L-L) - Nguồn cấp: 85 - 270V AC - Truyền thông MODBUS RTU	3,428,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
	AC-RS485-RS232-ISO	- Bộ chuyển đổi RS485 - 232 - Nguồn cấp: 90 - 270V AC/DC - Tốc độ truyền: 9600 - 115200 BPS	927,000
	AC-USB-RS485-02	- Bộ chuyển đổi USB - RS485 - Nguồn cấp: 90 - 270V AC/DC - Tốc độ truyền: 9600 - 115200 BPS	1,566,000
RƠ LE BẢO VỆ			
	900ELR-2-230V	Rơ le bảo vệ dòng rò - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Hiển thị: 3 số, LCD đèn nền - Dùng cho mạng 3 pha - 4 dây và 1 pha - 2 dây - Thời gian tác động trễ: 0 - 99 giây - Dải dòng rò điều chỉnh: 10 mA - 30A - Test / Reset: phím nhấn trước / từ xa - Ngõ ra: 2 C / O (NO/5A, NC/3A @ 250V AC) - Nguồn cấp: 230V AC	1,422,000
	CBCT35-1	- CBCT dùng cho Rơ le bảo vệ dòng rò 900ELR - Có 3 loại đường kính: 120, 70, 35 mm - Hệ số CT: 1000:1	603,000
	CBCT70-1		603,000
	CBCT120-1		1,545,000
	900CPR-1-230V (1 pha)	Rơ le bảo vệ dòng điện - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Hiển thị: 3 số, bằng màn hình LCD - 900CPR-1-230V: dùng cho điện 1 pha 2 dây - 900CPR-3-230V: dùng cho điện 1 pha 2 dây, 3 pha 3 dây, 3 pha 4 dây - Thời gian tác động trễ: 0 - 99 giây - Thấp dòng: 0 - 999 A - Quá dòng: 0.5A - 1.2 kA - Dòng mất cân bằng (900CPR-3-230V) - Ngõ ra: 1 C / O (NO/5A, NC/3A @ 250V AC) - Nguồn cấp: 230 V AC	1,500,000
	900CPR-3-230V (3 pha)		1,766,000
	MPR-341-2 (96x96)	- Mạng kết nối: 3P3W - Hiển thị quá tải, quá dòng, thấp dòng. - Sự cố chạm đất, dòng hầm, dòng không cân bằng - Ngược pha, Mất pha - Hiển thị LED: Bật nguồn, Relay ngắt - Kiểm tra và reset chức năng thông qua từ xa hoặc bằng phím tại chỗ - Ngõ ra: 2 C/O (NO/5A, NC/5A @ 250VAC/28VDC) - Nguồn cấp: 90-270VAC/DC	1,144,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
	MPR-3M-2-230V (3 pha)	Relay bảo vệ động cơ 3 pha 3 dây - Chức năng bảo vệ: quá tải, mất pha, mất cân bằng pha, ngược pha. - Reset: Auto/ Manual/ Remote. - Công suất: 3 VA. - Tần số: 45 - 65 Hz. - Có 3 led chỉ thị.	938,000
	MPR-3M-2-415V (3pha)	- Ngõ ra: 2 C / O (NO/5A, NC/3A @ 250V AC) - Nguồn cấp: 230 V AC (MPR-3M-2-230V) 415 V AC (MPR-3M-2-415V)	835,000
	MPCT D15 10A	- CT dùng cho Relay MPR - Có 3 loại: 10A, 40A, 80A	376,000
	MPCT D15 40A		449,000
	MPCT D15 80A		526,000
	900VPR-2-280/520V	Rơ le bảo vệ điện áp và tần số - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Chức năng bảo vệ: thấp / quá điện áp; thấp / quá tần số; mất cân bằng pha; thứ tự pha và mất pha - Hiển thị: 3 số, bằng màn hình LCD - Dùng cho mạng 3 pha 3 dây, 3 pha 4 dây - Thời gian tác động trễ: 0 - 99 giây - Thấp áp / quá áp: 280 - 520 V AC (mạng điện 3 pha 3 dây) 161 - 300 V AC (mạng điện 3 pha 4 dây) - Thấp / quá tần số: 45 - 65 Hz - Mất cân bằng điện áp: 5 - 99.9% - Ngõ ra: 2 C / O (NO/5A, NC/3A @ 250V AC) - Nguồn cấp: Lấy điện áp ngõ vào cấp nguồn	1,370,000
	VPRD2M - BL	Rơ le bảo vệ điện áp - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Chức năng bảo vệ: thấp / quá điện áp, mất cân bằng pha; thứ tự pha và mất pha - Hiển thị: 3 số, bằng màn hình LCD - Dùng cho mạng 1 pha 2 dây, 3 pha 4 dây - Thời gian tác động trễ: 0 - 99 giây - Quá áp: 242 - 288 V AC (L-N) - Thấp áp: 127 - 219 V AC (L-N) - Mất cân bằng pha: 5 - 30% - Ngõ ra: 2 C / O (NO/5A, NC/3A @ 250V AC) - Nguồn cấp: Lấy điện áp ngõ vào cấp nguồn	979,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
	VPRA2M	Rơ le bảo vệ điện áp - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Chức năng: bảo vệ thấp áp, quá áp, ngược pha, mất pha, mất cân bằng pha - Có LED hiển thị nguồn và trạng thái ngõ ra - Dùng cho mạng điện 1 pha 2 dây, 3 pha 4 dây - Thời gian tác động trễ: 0 - 15 giây - Phần trăm bảo vệ thấp áp: 55% ~ 95% của 230V AC - Phần trăm bảo vệ quá áp: 105% ~ 125% của 230V AC - Mất cân bằng pha: khi lệch áp các pha > 10% - Ngõ ra: 2 C/O (5A @ 250V AC)	824,000
	600VPR-310 / 520 (3 pha)	Rơ le bảo vệ điện áp - Chức năng bảo vệ: quá áp, thấp áp, ngược pha, mất pha - Có LED hiển thị nguồn và trạng thái ngõ ra - Cài đặt được thời gian tác động trễ: 0.2 ~ 10 giây - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Dùng cho mạng 3 pha 3 dây (600VPR- 310/520) 1 pha 2 dây (600VPR-1- 180/300) - Bảo vệ thấp áp: -2.5% ~ -25% của 415V(230V) AC - Bảo vệ quá áp: +2.5% ~ +25% của 415V(230V) AC - Tự động reset khi tình trạng lỗi đã hết - Ngõ ra: 1 C / O (NO/5A, NC/3A @ 250V AC)	696,000
	600VPR-1-180 / 300 (1 pha)		
	600PSR-280/520	Rơ le bảo vệ ngược pha và mất pha - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray - Dùng cho mạng 3 pha 3 dây, dải điện áp 280 ~ 528V AC - Khi điện áp nhỏ hơn 280V AC ngõ ra sẽ tác động - Tự động reset khi tình trạng lỗi đã hết - Thời gian tác động ngõ ra lớn nhất: 100ms - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm (NO/5A, NC/3A @ 250V AC)	526,000
	642PSR- 280/520	Rơ le bảo vệ ngược pha, mất pha và đảo pha - Đèn LED cho cả trạng thái nguồn và trạng thái relay - Được thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray và bảng tủ - Dùng cho mạng 3 pha 3 dây, dải điện áp 280 ~ 528V AC - Khi điện áp nhỏ hơn 280V AC ngõ ra sẽ tác động - Tự động reset khi tình trạng lỗi đã hết - Thời gian tác động ngõ ra lớn nhất: 100ms - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm (NO/5A, NC/3A @ 250V AC)	840,000
	PPRA-4M-3-415V	- Mạng kết nối 3P - 3 Dây - Hiển thị quá tải, quá dòng, thấp dòng, dòng hãm bằng đèn LED - Không cân bằng pha, ngược pha, mất pha, quá áp, thấp áp - LED hiển thị : Bật nguồn, Ngắt Relay (V, I, Ph) - 4 phím cho điều chỉnh cài đặt - Reset tự động hoặc bằng tay - Gắn thanh Rail	1,067,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
	PPRD-4M-3-415V	- Mạng kết nối 3P - 3 Dây - Hiển thị quá tải, quá dòng, thấp dòng, dòng hầm bằng màn hình LED 7 đoạn - Không cân bằng pha, ngược pha, mất pha, quá áp, thấp áp - LED hiển thị : Bật nguồn, Ngắt Relay (V, I, Ph) - 4 phím cho điều chỉnh cài đặt - Reset tự động hoặc bằng tay - Gắn thanh Rail	1,067,000
BỘ NGUỒN DC			
	RP-2M-1.1A-24VDC	- Điện áp: 24VDC / Dòng điện : 1.1A / Công suất: 26.4W - Phần trăm cho phép quá tải 5 - Tiêu chuẩn an toàn IEC61010-1 - Bảo vệ quá tải - Nguồn cấp: 100~270VAC / 100-300 VDC - Cho phép quá tải 5% - 50% - Bảo vệ bằng cầu chì chống cháy nổ	560,000
	PRS60-24	- Ngõ vào: 90 - 265 VAC hoặc 127 - 370 VDC - Tần số: 50/60Hz	650,000
	PRS120-24	- Điện áp: 24 - 28 VDC - Dòng điện : 2.5A - Công suất: 60 ~ 480W	730,000
	PRS240-24	- Tiêu chuẩn an toàn IEC và UL - Phần trăm cho phép quá tải: 10% - 40%	Liên hệ
	PRS480-24	- Bảo vệ quá tải, quá áp - Bảo vệ tự ngắt chống cháy nổ	Liên hệ
BỘ ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ			
	TC544C (48x48)	- Hiển thị bằng LED 7 đoạn, 2 hàng, mỗi hàng 4 số	1,092,000
	TC544B (48x48)	- Chế độ điều khiển PID hoặc ON/OFF - Ngõ vào: Thermocouple (J, K, T, R, S) / RTD (Pt100)	1,092,000
	TC244AX (72x72)	- Hai điểm cài đặt, 2 ngõ ra, chức năng auto-tuning - Ngõ ra điều khiển: Relay: 5 A @250V AC / 30V DC; SSR: 12V DC, 50mA	1,221,000
	TC344AX (96x96)	- Ngõ ra cảnh báo: Relay: 5 A @250V AC / 30V DC - Nguồn cấp: 85 ~ 270V AC/DC	1,231,000
	TC533AX (48x48)	- Hiển thị bằng LED 7 đoạn, 2 hàng, mỗi hàng 3 số - Chế độ điều khiển PID hoặc ON/OFF. - Ngõ vào: Thermocouple (J, K, T, R, S) / RTD (Pt100)	1,170,000
	TC533BX (48x48)	- Một điểm cài đặt, 1 ngõ ra, chức năng auto-tuning. - Ngõ ra điều khiển: Relay: 5 A @250V AC / 30V DC; SSR: 12V DC, 50mA. - Nguồn cấp: 85 ~ 270V AC/DC	975,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
	TC513AX (48x48)	- Hiển thị bằng LED 7 đoạn, 1 hàng 3 số - Chế độ điều khiển PID hoặc ON/OFF - Ngõ vào: Thermocouple (J, K, T, R, S) / RTD (Pt100) - Một điểm cài đặt, 1 ngõ ra, chức năng auto-tuning - Ngõ ra điều khiển: Relay: 5 A @250V AC / 30V DC; SSR: 12V DC, 50mA - Nguồn cấp: 85 ~ 270V AC/DC	799,000
	TC203AX (72x72)		902,000
	TC303AX (96x96)		989,000
	CH403-3-NTC (48x96)	- Hiển thị: 3 số, dạng LED - Chế độ điều khiển: ON / OFF (Độ trễ - 0.1 - 9.90) - 1 điểm cài đặt nhiệt độ - Ngõ ra: + Chính: Relay + Cảnh báo: Relay / SSR - Độ trễ thời gian khởi động: 0 - 99 phút - Chế độ hoạt động của Relay: Heat & Cool - Nguồn cấp: 85 - 270V AC/DC (24V AC/DC đặt hàng)	809,000
	PID500 (48x48) PID110 (72x72) PID330 (96x96)	0-0-01 Ngõ vào đa năng, ngõ ra Relay + 2 Alarm (Relay)	2,818,000
		1-0-01 Ngõ vào đa năng, ngõ ra SSR + 2 Alarm (Relay)	2,818,000
		2-0-01 Ngõ vào đa năng, ngõ ra 4 - 20mA + 2 Alarm (Relay)	3,636,000
		3-0-01 Ngõ vào đa năng, ngõ ra 0 ~ 10V + 2 Alarm (Relay)	3,636,000
		2-0-04 Ngõ vào đa năng, ngõ ra 4 - 20mA / 0 ~ 10V + 2 Alarm (Relay) Ngõ ra truyền thông RS485	5,568,000
	PID500-T (48x48)	0-0-00 Ngõ vào TC/ Rtd, ngõ ra Relay + 1 Alarm (Relay)	2,182,000
		0-0-01 Ngõ vào TC/ Rtd, ngõ ra Relay + 2 Alarm (Relay)	2,545,000
		0-0-04 Ngõ vào TC/ Rtd, ngõ ra Relay + 1 Alarm (Relay) + Ngõ ra truyền thông RS485	4,079,000
		2-0-00 Ngõ vào TC/ Rtd, ngõ ra 4 - 20mA + 1 Alarm (Relay)	2,272,000
		3-0-00 Ngõ vào TC/ Rtd, ngõ ra 0 ~ 10V + 1 Alarm (Relay)	2,272,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
BỘ HIỂN THỊ ĐA CHỨC NĂNG			
	PIC101A-T-230 (48x96)	Bộ hiển thị xử lý - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Ngõ vào: Thermocouple: J/ K/ T/ R/ S/ Pt100 - Độ phân giải: 1/ 0.1 độ - Nguồn cấp: 230V AC	886,000
	PIC101A-VI-230 (48x96)	- Bộ hiển thị xử lý - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Ngõ vào: Tín hiệu DC: 0-10V, 0/4 - 20mA - Độ phân giải: 1/ 0.1/ 0.01/ 0.001 - Nguồn cấp: 230V AC	886,000
	PIC101N (48x96)	Bộ hiển thị đa năng - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Ngõ vào: + Thermocouple: J/ K/ T/ R/ S..... + RTD: Pt100/ Pt1000 + Tín hiệu DC: -5 - 56mV, 0 - 100mV, 0-10V, 0/4 - 20mA - Độ phân giải: + TC/ RTD: 1/ 0.1 độ + Ngõ vào Analog: 1/ 0.1/ 0.01/ 0.001 - Nguồn cấp: 85 - 270V AC/DC	1,034,000
	PIC152A-VI (48x96)	Bộ hiển thị đa năng, ngõ ra chuyển tiếp - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Ngõ vào: + Thermocouple: J/ K/ T/ R/ S..... + RTD: Pt100/ Pt1000 + Tín hiệu DC: -5 - 56mV, 0 - 100mV, 0-10V, 0/4 - 20mA - Độ phân giải: + TC/ RTD: 1/ 0.1 độ + Ngõ vào Analog: 1/ 0.1/ 0.01/ 0.001	1,703,000
	PIC152A-VI-C (48x96)	- Ngõ ra: + Alarm: 2 ngõ ra + Retransmission (tùy chọn): 0/4 - 20mA DC, 0 - 5V DC, 0 - 10VDC - Modbus RTU (PIC152A-VI-C) - Nguồn cấp: 85 - 270V AC/DC	3,039,000
	PIC1000D (48x96)	- Bộ hiển thị đa năng, ngõ ra chuyển tiếp, truyền thông - Hiển thị 1 hàng, 4 số, dạng LED - Ngõ vào: + Thermocouple: J/ K/ T/ R/ S..... + RTD: Pt100/ Pt1000 + Tín hiệu DC: -5 - 56mV, 0 - 100mV, 0 - 10V, 0/4 - 20mA - Độ phân giải: + TC/ RTD: 1/ 0.1 độ + Ngõ vào Analog: 1/ 0.1/ 0.01/ 0.001	2,753,000
	PIC1000E (48x96)	- Ngõ ra: + Alarm: 4 ngõ ra + Retransmission (tùy chọn): 0/4 - 20mA DC, 0 - 5V DC, 0 - 10VDC - Modbus RTU (PIC1000E) - Nguồn cấp: 85 - 270V AC/DC	3,394,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
BỘ ĐIỀU KHIỂN LẬP TRÌNH (PLC)			
	DIGIX-1-1-1-230V	- Bộ điều khiển lập trình - Ngõ vào digital: 8 (PNP), 1 ngõ vào tốc độ cao. - Ngõ ra relay: NO; 5A@28VDC, 5A@240VAC. - Cổng truyền thông: RS485(Slave), RS485(Master). - Tích hợp màn hình HMI: LCD 2 x 8 kí tự, 5 phím chức năng. - Nguồn cấp: 230VAC(180 - 270 VAC)	2,936,000
	TWIX-1-230V (48x96)	- Bộ điều khiển lập trình - Ngõ vào digital: 6 (PNP), 1 ngõ vào tốc độ cao, 1 ngõ vào analog: J, K, T, R, S, C, E, B, N, L, U, W, PLTNL, mV(-5 - 65 mV), RTD với độ phân giải 14 bit - Ngõ ra digital: 4 relay NO: 5A@240VAC. - Cổng truyền thông: RS485 (Slave). - Tích hợp màn hình HMI: LED 2 line, 8 LED đỏ, 6 LED xanh, 5 phím chức năng. - Nguồn cấp: 230VAC(180 - 270 VAC), 50Hz.	3,428,000
BỘ ĐỊNH THỜI GIAN			
	800POD	- Timer OFF delay - Dài thời gian: 180 giây - Ngõ ra: 2 cặp tiếp điểm NO / NC - Nguồn cấp: 110 ~ 240V AC / DC	989,000
	800SQ-A	- Timer ON delay, Interval - Dài thời gian: 3 / 10 / 30 / 60 giây 3 / 10 / 30 / 60 phút - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm NO/5A, NC/3A @ 250V AC - Nguồn cấp: 240V AC (50/60 Hz)	346,000
	800XC	- Timer đảo theo chu kỳ, thời gian khác nhau - Dài thời gian: 1 ~ 10 giây, 1 ~ 10 phút, 1 ~ 10 giờ - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm NO / NC - Nguồn cấp: 24 & 240V AC (50/60Hz)	593,000
	800SD-2	- Timer khởi động Sao - Tam giác - Dài thời gian: 3 ~ 30 giây, 6 ~ 60 giây - Thời gian chuyển từ Sao qua Tam giác 50/100ms - Ngõ ra: 1 cặp NO / 5A, NC / 3A @ 250V AC cho sao 1 cặp NO / 5A, NC / 3A @ 250V AC cho tam giác - Nguồn cấp: 230V AC (50/60 Hz)	412,000
	600ST-240	- Timer ON delay - Dài thời gian: 0.1 ~ 1 giây, 0.3 ~ 3 giây, 1 ~ 10 giây, 3 ~ 30 giây, 0.1 ~ 1 phút, 0.3 ~ 3 phút, 1 ~ 10 phút, 3 ~ 30 phút, 0.1 ~ 1 giờ, 0.3 ~ 3 giờ - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm NO/5A, NC/3A @ 250V AC - Nguồn cấp:	420,000
	600ST-110		
	600ST-24		

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
	600XU	- Timer ON delay, Interval, Repeat cyclic equal OFF first, Repeat cyclic equal ON first, Pulse output 500ms fixed. - Dải thời gian: 0.1 ~ 1 giây, 0.3 ~ 3 giây, 1 ~ 10 giây, 3 ~ 30 giây 0.1 ~ 1 phút, 0.3 ~ 3 phút, 1 ~ 10 phút, 3 ~ 30 phút 0.1 ~ 1 giờ, 0.3 ~ 3 giờ - Ngõ ra: 2 cặp tiếp điểm NO/5A, NC/3A @ 250V AC - Nguồn cấp: 20 ~ 240V AC (50/60 Hz)	588,000
	600SD-2-230	Timer khởi động Sao - Tam giác - Dải thời gian: 3 ~ 30 giây, 6 ~ 60 giây - Thời gian chuyển từ Sao qua Tam giác 50/100ms - Ngõ ra: 1 cặp tiếp điểm NO / 5A, NC / 3A @ 250V AC cho sao.	526,000
	600SD-2-110	1 cặp tiếp điểm NO / 5A, NC / 3A @ 250V AC cho tam giác - Nguồn cấp: 230V AC (50/60 Hz) (dùng cho 600SD-2-230) 110V AC (50/60 Hz) (dùng cho 600SD-2-110)	526,000
	600DT	Timer đa chức năng hiển thị màn hình LCD - Các chức năng: On delay, Interval, Asymmetrical cyclic OFF first, Asymmetrical cyclic ON first, Repeat cyclic equal OFF first, Repeat cyclic equal ON first, Pulse output, Delay on break, Delay on make/Delay on break, Interval after break, Single shot, Retriggerable Single shot, Latching relay, Delay on make with Totalise, Interval with Totalise - Dải thời gian đa dạng: 0 ~ 99.9 giây / phút / giờ ; 0 ~ 999 giây / phút / giờ 0 ~ 9:59 phút:giây ; 0 ~ 9:59 giờ:phút - Ngõ ra: 1 C/O 8A @ 250V AC - Nguồn cấp: 20 ~ 240V AC/DC	770,000
	TS2M1-1-16A-230V	Timer Switch hiển thị màn hình LCD - Các chỉ báo: Auto/ Manual, Holiday, Relay status, Day of week, Programming mode. - Chu kì chạy: 1 tuần. - Tổng chương trình trong tuần: 50 bước ON, 50 bước OFF.	881,000
	TS2M1-2-16A-230V	- Số ngày lễ: 16 ngày. - Ngõ ra: 1 C/O 16A @ 250V AC (TS2M1-1) 2 C/O 16A @ 250V AC (TS2M1-2) - Nguồn cấp: 20 ~ 240V AC/DC	1,236,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
	TS1W1-1-20A-230V	Timer Switch hiển thị màn hình LCD - Các chỉ báo: Auto/ Manual, Holiday, Relay status, Day of week, Programming mode. - Chu kì chạy: 1 tuần. - Tổng chương trình trong tuần: 50 bước ON, 50 bước OFF. - Số ngày lễ: 16 ngày. - Ngõ ra: 1 C/O 20A @ 250V AC - Nguồn cấp: 230V AC - 50/60Hz	685,000
BỘ HIỂN THỊ TỐC ĐỘ VÀ ĐẾM TỔNG			
	XC10D (48x96)	- Bộ đếm tổng, hiển thị 1 hàng, 6 số, dạng LED - Dải đếm: 999999 - Có chức năng nhớ dữ liệu - Hướng đếm: lên - Reset bằng phím trước - Loại Sensor: NPN, PNP - Tốc độ ngõ vào: 3Hz, 30Hz, 1kHz - Nguồn cấp: 90 - 270V AC/DC	881,000
	XC1200 (48x96)	Bộ hiển thị tốc độ và đếm tổng - Chức năng đếm: 6 số: 0.0001 tới 999999 - Hiển thị tốc độ: 5 số: 4 tới 99999 vòng/ phút hoặc vòng/ giờ - Có khả năng đếm tăng hoặc giảm - Có 2 điểm cài đặt - Có 2 ngõ ra: Relay - Tốc độ ngõ vào: 0-30Hz hoặc 0-2.5 KHz hoặc 0-5kHz - Dạng ngõ vào: xung áp 3 ~ 30VDC từ cảm biến tiệm cận, Encoders, hoặc từ tiếp điểm - Nguồn cấp: 85 ~ 270 V AC/DC	1,983,000
	RC100 (48X96)	Bộ hiển thị tốc độ - Hiển thị tốc độ: 4 số: 4 tới 9999 vòng / phút hoặc mét / phút - Tốc độ ngõ vào: 0 tới 30Hz hoặc 0 tới 2.5 KHz - Dạng ngõ vào: xung áp 3 ~ 30VDC từ cảm biến tiệm cận, Encoders, hoặc từ tiếp điểm - Nguồn cấp: 85 ~ 270 V AC/DC	932,000
	RC102C (48X96)	Bộ hiển thị tốc độ và đếm tổng - Chức năng đếm: 6 số: 0.01 tới 999999 - Hiển thị tốc độ: 4 số: 4 tới 9999 vòng / phút hoặc mét / phút - Tốc độ ngõ vào: 0 tới 30Hz hoặc 0 tới 2.5 KHz - Dạng ngõ vào: xung áp 3 ~ 30VDC từ cảm biến tiệm cận, Encoders, hoặc từ tiếp điểm - Nguồn cấp: 85 ~ 270 V AC/DC	1,324,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Giá (VNĐ) (Có VAT)
	TT412 (36X72)	Thiết bị đếm tổng thời gian - Hiện thị tối đa được 6 số - Dải thời gian: 99999.9 / 999999 giây 99999.9 / 999999 phút 99999.9 / 999999 giờ - Ngõ vào: tiếp điểm - Có khả năng reset và nhớ được giá trị 10 năm - Nguồn cấp: 85 ~ 270V AV/DC	979,000
	LT920-V (24x48)	Thiết bị đếm tổng thời gian - Hiện thị tối đa được 8 số - Dải thời gian: 9999:59:59 giờ:phút:giây, 999999:99 giờ - Ngõ vào: điện áp 24 ~ 260V AC - Có khả năng reset và nhớ được giá trị 5 năm - Nguồn cấp: dùng pin	443,000
	LT920-C (24x48)		709,000

Điều khoản thương mại

Bảng giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%

Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày giao hàng.

Trân trọng kính chào.

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

KAEL - THỔ NHĨ KỲ - 2022

Áp dụng từ ngày 01/01/2022				
Đồng hồ tủ điện đa chức năng				
Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng		Đơn giá (VND)
	MULTIMET 01-96 (96x96) V, A, Hz, Pf, P, Q	Đồng hồ tủ điện đa chức năng MULTIMET - Đồng hồ đo đa chức năng 3 pha hiển thị LED 7 đoạn - Đo điện áp pha và dây (VL1N, VL2N, VL3N, V12, V23, V31) - Đo dòng điện I1, I2, I3, dòng trung tính IN, tần số Hz - Đo hệ số công suất PF1, PF2, PF3 - Password bảo vệ thông số cài đặt - Tỷ số biến dòng: 1~5000, tỉ số biến áp: 1~4000 - Đo công suất: P1, P2, P3, P, Q1, Q2, Q3, Qi, Qc (*) - Chức năng bảo vệ điện áp, dòng điện, ngược pha, mất pha qua 2 Relay Output (*) (*)Thông số thực tế thiết bị: MULTIMET - MULTIMET 01: V, A, Hz, Pf, P, Q - MULTIMET 03: V, A, Hz, Pf - XX-PC: 2 Alarm Relay Output, RS485 - Modbus - XX-96: Kích thước 96x96mm - XX-DIN: Dạng gắn Dinrail - Nguồn cấp: 230VAC		1,750,000
	MULTIMET 01-PC-96 (96x96) V, A, Hz, Pf, P, Q Modbus			2,500,000
	MULTIMET 03-96 (96x96) V, A, Hz, Pf			1,200,000
	MULTIMET 03-DIN DINRail V, A, Hz, Pf			1,300,000
Đồng hồ tủ điện đơn năng				
Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng		Đơn giá (VND)
	DV-96 (96x96)	Đồng hồ đo điện áp AC	Đồng hồ đo điện áp 1 Pha gắn mặt tủ - Hiển thị LED 7 đoạn - Đo điện áp 1 pha: 0 ~ 500V AC - Nguồn cấp: 230VAC	450,000
	DV-72 (72x72)			450,000
	DV-48-01 (48x96)			650,000
	DV-72-03C (72x72) (Relay Output)		Đồng hồ đo điện áp 3 pha gắn mặt tủ - Chức năng bảo vệ quá áp, thấp áp, ngược pha - 1 Relay Output	850,000
	DAM-A-96 (96x96)	Đồng hồ đo dòng điện AC	Đồng hồ đo dòng điện 1 Pha gắn mặt tủ - Hiển thị LED 7 đoạn - Dòng điện đo: 5 ~ 10000A - Nguồn cấp: 230VAC	650,000
	DAM-A-72 (72x72)			650,000
	DAM-A-48 (48x96)			650,000
	DAM-C-96 (96x96)		Đồng hồ đo dòng điện 3 Pha gắn mặt tủ - Chức năng bảo vệ quá dòng - Cài đặt qua 2 Relay Output, mỗi relay cài đặt được 1 ngưỡng quá dòng	820,000
	DAM-C-72 (72x72)			820,000

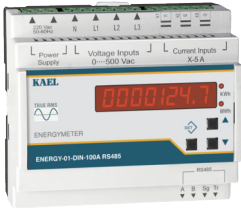
Đồng hồ tử điện đơn năng

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng		Đơn giá (VND)
	DF-72 (72x72)	Đồng hồ đo tần số	Đồng hồ đo tần số AC gắn mặt tủ - Hiển thị LED 7 đoạn - Dải tần số: 40 ~ 100Hz - Nguồn cấp: 230VAC	780,000
	DF-96 (96x96)			780,000
	DF-48 (48x48)			780,000
	DC-96 (96x96)	Đồng hồ đo hệ số công suất	Đồng hồ đo hệ số công suất gắn mặt tủ - Hiển thị LED 7 đoạn - Nguồn cấp: 230VAC	800,000

Đồng hồ phân tích năng lượng điện

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	MULTISER-01-TFT	- Đồng hồ phân tích chất lượng điện năng 3 pha gắn mặt tủ điện, màn hình TFT - Đo điện áp pha và dây (VL1N, VL2N, VL3N, V12, V23, V31) - Đo dòng điện I1, I2, I3, đo dòng điện trung tính IN, tần số Hz - Đo hệ số công suất PF1, PF2, PF3 - Đo công suất: P1, P2, P3, Q1, Q2, Q3, Qi, Qc, S1, S2, S3 - Đo điện năng: imp-exp kWh, imp-exp kVARh (ind), imp-exp kVARh (cap), kVAh - Đo tổng sóng hài: THD-V và THD-I - Đo trị số đỉnh và nhu cầu năng lượng - Đo tỉ lệ mất cân bằng pha điện áp và dòng điện - Đo sóng hài bậc 3. đến bậc 31. - Đo thời gian hoạt động của thiết bị - Password bảo vệ thông số cài đặt - Tỉ số biến dòng: 1~5000, tỉ số biến áp: 1~4000 - Chức năng bảo vệ điện áp, dòng điện, ngược pha, mất pha, THD-V và THD-I (cho dòng có Relay Output) - Chức năng hiển thị dạng sóng (dòng có SD Card) - Chức năng báo cáo Alarm theo thời gian thực (dòng có SD Card)	3,700,000
	MULTISER-21-PC-TFT		4,700,000
	MULTISER-03-PC-TFT	Các thông số đặc biệt trên thiết bị: MULTISER - MULTISER-01: Chức năng cơ bản - MULTISER-21: Energy Pulse - MULTISER-03: Energy Pulse, SD Card - MULTISER-04: Harmonic 3~63., SD Card - MULTISER-05: Harmonic 3~63., SD Card, Analog Output - XX-PC: RS485 - Modbus, 2 Digital Input, 2 Relay Output	5,400,000
	MULTISER-04-PC-TFT		7,600,000
	MULTISER-05-PC-TFT		9,000,000

Đồng hồ tủ điện đo điện năng

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	ENERGY-01-DIN	Đồng hồ đo điện năng 3 pha hiển thị LED 7 đoạn - Đo hệ số công suất PF1, PF2, PF3 - Đo công suất: P, Q, S - Đo điện năng: kWh, kVARh - Đo trị số đỉnh và nhu cầu năng lượng - Password bảo vệ thông số cài đặt - Chức năng truyền thông RS485 - Modbus - Tỉ số biến dòng: 1~5000, tỉ số biến áp: 1~4000	2,400,000
	ENERGY-02-PC-96	(*) Thông số thực tế thiết bị: ENERGY - 01-DIN: Chức năng cơ bản, dạng gắn DINRail - 02-PC-96: 2 Pulse Output, đo PF, P, Q, Modbus RTU (RS485), Dạng gắn mặt tủ size 96x96mm	3,200,000

Rơ le bảo vệ quá dòng - thấp dòng

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	OCM-01	Relay bảo vệ quá dòng điện - Chức năng bảo vệ quá dòng điện (0.5 ~ 5)A - 1 Relay Output (1C/O) 5A - 240VAC	800,000
	OCM-03	- Thời gian delay: 0.5 ~ 2.5s, Thời gian START (1 ~ 6s) - OCM-01: Sử dụng CT rời - OCM-03: Kèm CT 100A	950,000
	UCM-01	Relay bảo vệ thấp dòng điện (non tải) - Chức năng bảo vệ thấp dòng điện (0.5 ~ 5)A - 1 Relay Output (1C/O) 5A - 240VAC	800,000
	UCM-03	- Thời gian delay: 0.5 ~ 2.5s, Thời gian START (1 ~ 6s) - UCM-01: Sử dụng CT rời - UCM-03: Kèm CT 100A	950,000

Rơ le bảo vệ đa năng

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	Ke-DP01	Relay bảo vệ dạng gắn DINrail	2,000,000
	Ke-DP02		1,700,000
	DP01-72 (72x72)	Relay bảo vệ dạng gắn mặt tủ	2,000,000
	DP02-72 (72x72)		1,700,000

Rơ le bảo vệ pha - bảo vệ điện áp

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	FKR1.G	Relay bảo vệ pha - Dùng cho mạng điện 3P4W - Chức năng bảo vệ mất pha - Điện áp Un: 380V AC (50/60Hz) - Ngưỡng bảo vệ điện áp: $(0,7 \sim 1,3) \times U_n$ - Gắn DIN Rail	300,000
	FKR2.G.4W	Relay bảo vệ pha - Dùng cho mạng điện 3P4W - Chức năng bảo vệ mất pha, ngược pha - Điện áp Un: 400V AC (50/60Hz) - Ngưỡng bảo vệ điện áp: $(0,7 \sim 1,3) \times U_n$ - Gắn DIN Rail	370,000
	FKR2.G.3W	Relay bảo vệ pha - Dùng cho mạng điện 3P3W - Chức năng bảo vệ mất pha, ngược pha - Điện áp Un: 400V AC (50/60Hz) - Ngưỡng bảo vệ điện áp: $(0,7 \sim 1,3) \times U_n$ - Gắn DIN Rail	370,000

Rơ le bảo vệ pha - bảo vệ điện áp

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	Ke-FKR4(D)	Relay bảo vệ điện áp - Hiển thị giá trị điện áp trên màn hình LED 7 đoạn - Dùng cho mạng điện 3P4W - Chức năng bảo vệ thấp áp, quá áp, mất pha, ngược pha, mất cân bằng pha, thấp tần số, quá tần số - Điện áp Un: 380V AC (50/60Hz) - Ngưỡng bảo vệ mất cân bằng pha: 5% ~ 20% - Ngưỡng bảo vệ thấp áp: 300 ~ 370VAC - Ngưỡng bảo vệ quá áp: 390 ~ 460VAC - Gắn DIN Rail	850,000
	ADG3X	Relay bảo vệ điện áp - Dùng cho mạng điện 3P3W hoặc 3P4W - Chức năng bảo vệ thấp áp, quá áp, mất pha, ngược pha - Điện áp Un: 400V AC (50/60Hz) - Ngưỡng bảo vệ thấp áp: 300 ~ 390VAC - Ngưỡng bảo vệ quá áp: 410 ~ 500VAC - Gắn DIN Rail	560,000

Bộ điều khiển tự bù

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	VARkombi-18-PC-TF-OG-SOLAR (18 cấp)	Bộ điều khiển tự bù hiển thị màn hình TFT - Hiển thị thông số trên màn hình màu TFT 3.2" - Chức năng đo lường VLN, VLL, A, Pf, W, VAR, VA, kWh, kVArh, Harmonic (3. ~ 31.), THD-V, THD-I, nhiệt độ - Tín hiệu 1 Pha, 1 CT (riêng dòng VARkombi : 3 Pha, 3 CT) - Chức năng cảnh báo Alarm và điều khiển quạt - Chức năng cài đặt bảo vệ (quá dòng, thấp dòng, quá nhiệt, sóng hài) - Tự động dò hệ số CK hoặc bằng tay - Chức năng truyền thông Modbus RS485 (dòng PC) - Password bảo vệ thông số cài đặt - Nguồn cấp: 230VAC - 50/60Hz - Kích thước: 144x144x37mm	9,500,000
	VARkombi-18-TFT (18 cấp)		8,000,000
	VARko-112-PC-TFT (12 cấp)		5,000,000
	VARko-112-TFT (12 cấp)		4,000,000
	VARko-106-TFT (6 cấp)		3,200,000
	VARko-112 (12 cấp)	Bộ điều khiển tự bù hiển thị LED 7 đoạn - Hiển thị thông số trên màn hình LED 7 đoạn - Tín hiệu 1 Pha, 1 CT - Chức năng cảnh báo Alarm và điều khiển quạt - Chức năng bảo vệ (quá dòng, thấp dòng, quá nhiệt, sóng hài) - Tự động dò hệ số CK hoặc bằng tay - Nguồn cấp: 230VAC - 50/60Hz - Kích thước: 144x144x37mm	3,150,000
	VARko-108 (8 cấp)		2,900,000
	VARko-106 (6 cấp)		2,600,000
	PFR-3 (3 cấp)	Bộ điều khiển tự bù dạng gắn DIN Rail - Hiển thị trạng thái tự bằng LED - Tín hiệu 1 Pha, 1 CT - Nguồn cấp: 230VAC - 50/60Hz - Gắn DIN Rail	1,500,000
Bộ định thời gian - Timer			
Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	ZRMX.G	Timer đa chức năng: ON Delay, Interval, Flasher, OFF Delay w/c, ON Delay and OFF Delay w/c, Interval w/c - Dải thời gian: 0.1s ~ 30h - Nguồn nuôi: 12 ~ 240VAC/DC - 1 Relay Output (1 C/O)	650,000
	ZRXX.G	Timer 2 chức năng: ON Delay, Interval - Dải thời gian: 0.1s ~ 30h - Nguồn nuôi: 24VAC/DC, 230VAC - 1 Relay Output (1 C/O)	380,000

Bộ định thời gian - Timer

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	ZR60.G	Timer đơn chức năng: ON Delay - Dải thời gian: 1s ~ 60s - Nguồn nuôi: 24VAC/DC, 230VAC - 1 Relay Output (1 C/O)	300,000
	DRN.G	Timer đảo không cân bằng - Dải thời gian ON/OFF: 0.1s ~ 30h - Tùy chọn chức năng: On first hoặc OFF first - Nguồn nuôi: 24VAC/DC, 230VAC - 1 Relay Output (1 C/O)	380,000
	SD.G	Bộ khởi động sao - tam giác - Thời gian chạy sao: 0.3 ~ 30s - Thời gian chuyển mạch: 50~250ms - Nguồn nuôi: 24VAC/DC, 230VAC - 2 Relay Output (2 N/O)	380,000
	DG60.G	Timer OFF Delay (không cần nguồn duy trì) - Thời gian: 0.1s ~ 60min - Nguồn nuôi: 85~265VAC - 1 Relay Output (1 C/O)	1,000,000
	Ke-ZRXX(D)	Timer đa chức năng kỹ thuật số: 19 chức năng - Cài đặt và hiển thị giá trị trên màn hình LED 7 đoạn - Dải thời gian: 0.1s ~ 9999min - Nguồn nuôi: 230VAC/DC - 2 Relay Output (2 C/O)	800,000
	ASTRO-31	Timer thời gian thực - Hiển thị màn hình LCD có đèn nền - Password bảo vệ thông số cài đặt - Chức năng điều khiển bằng tay - Chức năng cài đặt từ xa qua remote(*) - Nguồn cấp: 230VAC	1,450,000
	ASTRO-13	ASTRO-31: 24 Programs, 16A ASTRO-13: 100 Programs, 16A, cài đặt được từ xa	1,800,000
	ASTRO-01-GPS	Timer điều khiển đóng mở GPS - Kết nối tín hiệu từ GPS - Cài đặt đóng mở theo chức năng thiên văn - T delay ON, T delay OFF: 0 ~ 60 min - Nguồn cấp: 85 ~ 265VAC	1,350,000

Relay quang			
Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	FTR	Relay cảm biến ánh sáng - Điều chỉnh độ rọi 1~ 10 lux - Delay for ON-OFF (3~5s) - Nguồn cấp: 230VAC	400,000
	Ke-FTR10M	Relay cảm biến ánh sáng - Điều chỉnh độ rọi 1~ 10 lux - Delay for ON-OFF (25~40s) - Nguồn cấp: 230VAC	480,000
	FTG	Cảm biến ánh sáng	150,000
Relay mực nước			
Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	SKR-DIN	Relay cảnh báo mực nước - Sử dụng trong bơm nước tự động - 3 cảm biến dò mực nước - Điều chỉnh độ nhạy: 5 ~ 100kΩ - Nguồn cấp: 230VAC	380,000
	SE		60,000
Bộ chuyển đổi tín hiệu			
Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	CON-1	Bộ chuyển đổi tín hiệu USB - RS485	1,600,000
	CON-2	Bộ chuyển đổi tín hiệu RS485 - TCP/IP	3,000,000

Bộ chuyển đổi tín hiệu

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	CON-3	Bộ chuyển đổi tín hiệu (dùng cho Timer Astronomical)	1,500,000

Điều khiển nhiệt độ

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	TC-PT100	Bộ điều khiển nhiệt độ 4 vùng hiển thị màn hình TFT - Cảm biến nhiệt: Pt100 (3 wire) - 4 Relay Output (Alarm, Fan, Fault, Trip) - Truyền thông Modbus RS485 (chỉ có trên TC-PT100-RS)	5,900,000
	TC-PT100-RS	- Chức năng lưu trữ theo thời gian thực - Password bảo vệ thông số cài đặt - Nguồn cấp: 20 ~ 240VAC/DC - Kích thước: 96x96x56mm	7,000,000

Điều khoản thương mại:

Bảng giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%.

Thời gian bảo hành: **18 tháng kể từ ngày giao hàng.**

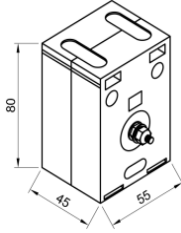
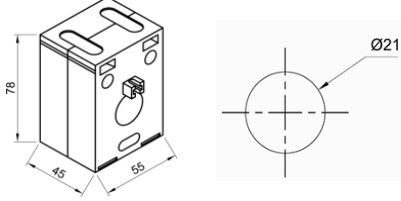
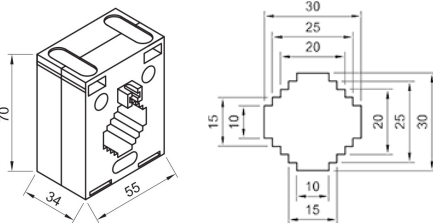
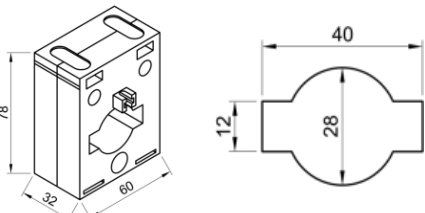
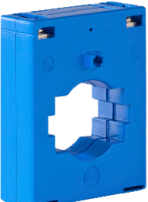
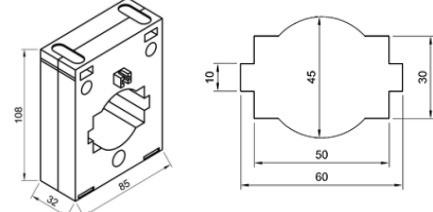
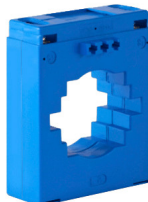
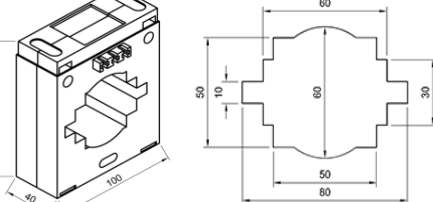
Trân trọng kính chào.

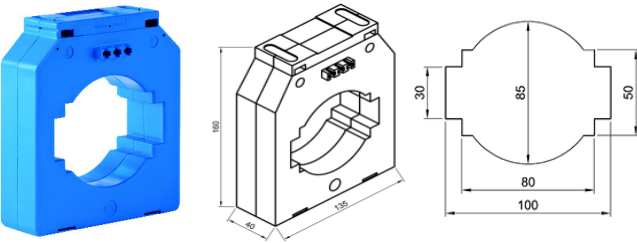
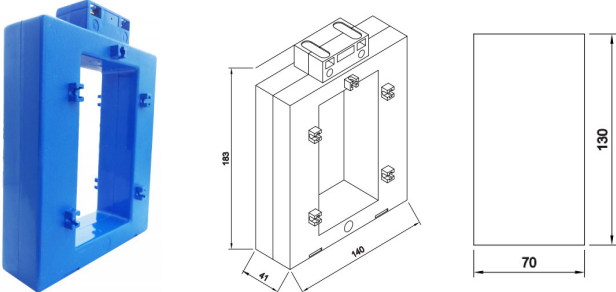
BẢNG GIÁ BIẾN DÒNG - ĐỒNG HỒ - BIẾN ÁP

PRECISE - ẨM ĐỘ - 2022

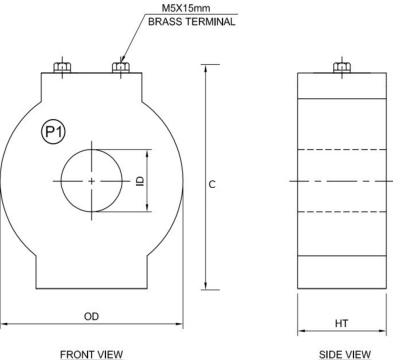
Áp dụng từ ngày 01/01/2022

MCT - BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG

Kích thước	Mã hàng	Tỉ số (Ratio)	VA / Class	Đơn giá (VND) chưa VAT
 	PE WPL.5	5/5A	5 / 1	360,000
	PE WPL.10	10/5A	5 / 1	360,000
	PE WPL.15	15/5A	5 / 1	360,000
	PE WPL.20	20/5A	5 / 1	360,000
	PE WPL.25	25/5A	5 / 1	360,000
	PE WPL.30	30/5A	5 / 1	360,000
	PE WPL.40	40/5A	5 / 1	360,000
 	PE201.50	50/5A	1.5 / 3	236,000
 	PE301.100	100/5A	1 / 1	142,000
	PE301.150	150/5A	1 / 1	142,000
	PE301.200	200/5A	2.5 / 1	142,000
	PE301.250	250/5A	2.5 / 1	142,000
	PE301.300	300/5A	2.5 / 1	142,000
	PE301.400	400/5A	5 / 1	142,000
 	PE401.400	400/5A	5 / 1	173,000
	PE401.500	500/5A	7.5 / 1	173,000
	PE401.600	600/5A	7.5 / 1	173,000
	PE401.800	800/5A	7.5 / 1	182,000
 	PE601.800	800/5A	15 / 1	282,000
	PE601.1000	1000/5A	15 / 1	282,000
	PE601.1200	1200/5A	15 / 1	300,000
 	PE801.1200	1200/5A	15 / 1	390,000
	PE801.1600	1600/5A	15 / 1	390,000

Kích thước	Mã hàng	Tỉ số (Ratio)	VA / Class	Đơn giá (VND) chưa VAT
	PE1001.1600	1600/5A	30 / 1	600,000
	PE1001.2000	2000/5A	30 / 1	600,000
	PE1001.2500	2500/5A	30 / 1	660,000
	PE1001.3000	3000/5A	30 / 1	710,000
	PE1001.4000	4000/5A	30 / 1	850,000
	PE1002.2500	2500/5A	30 / 0.2	950,000
	PE1002.3000	3000/5A	30 / 0.2	980,000
	PE1002.4000	4000/5A	30 / 0.2	1,050,000
	PE-RCM 17	5000/5A	30 / 0.5	1,550,000
	PE-RCM 18	6000/5A	30 / 0.5	1,980,000

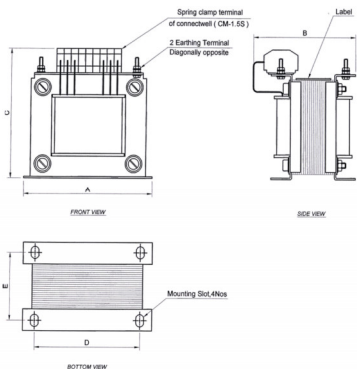
PCT - BIẾN DÒNG BẢO VỆ DẠNG TRÒN (RCP)

Kích Thước	ID x OD x C x HT	Mã hàng	Tỉ số (Ratio)	VA / Class	Đơn giá VND (chưa VAT)
 	30 x 110 x 145 x 75	PE-RCP01	100/5A	5 / 5P10	800,000
	30 x 110 x 145 x 60	PE-RCP02	150/5A	5 / 5P10	760,000
	45 x 110 x 145 x 60	PE-RCP03	200/5A	5 / 5P10	700,000
	45 x 110 x 145 x 50	PE-RCP04	250/5A	5 / 5P10	700,000
	45 x 110 x 145 x 45	PE-RCP05	300/5A	5 / 5P10	630,000
	60 x 130 x 165 x 50	PE-RCP06	400/5A	5 / 5P10	600,000
	60 x 140 x 165 x 45	PE-RCP07	500/5A	5 / 5P10	610,000
	60 x 130 x 165 x 45	PE-RCP08	600/5A	5 / 5P10	610,000
	90 x 150 x 185 x 65	PE-RCP09	800/5A	15 / 5P10	930,000
	90 x 150 x 185 x 80	PE-RCP10	1000/5A	15 / 5P10	1,000,000
	90 x 150 x 185 x 75	PE-RCP11	1200/5A	15 / 5P10	1,000,000
	90 x 150 x 185 x 60	PE-RCP12	1600/5A	15 / 5P10	1,030,000
	125 x 190 x 225 x 50	PE-RCP13	2000/5A	15 / 5P10	1,030,000
	125 x 190 x 225 x 60	PE-RCP14	2500/5A	15 / 5P10	1,000,000
	125 x 190 x 225 x 65	PE-RCP15	3000/5A	15 / 5P10	1,270,000
	125 x 210 x 245 x 45	PE-RCP16	4000/5A	15 / 5P10	1,350,000
	160 x 240 x 275 x 45	PE-RCP17	5000/5A	15 / 5P10	1,650,000
	160 x 240 x 275 x 45	PE-RCP18	6000/5A	15 / 5P10	2,100,000

ĐỒNG HỒ VOLT, AMPE, CHUYỂN MẠCH

Kích Thước	Mã hàng	Tỉ số (Ratio)	Class	Đơn giá VND (chưa VAT)
	PE96.500V	500V - AC	1.5	136,000
	PE96.50/5A	50/5A	1.5	136,000
	PE96.100/5A	100/5A	1.5	136,000
	PE96.150/5A	150/5A	1.5	136,000
	PE96.200/5A	200/5A	1.5	136,000
	PE96.250/5A	250/5A	1.5	136,000
	PE96.300/5A	300/5A	1.5	136,000
	PE96.400/5A	400/5A	1.5	136,000
	PE96.500/5A	500/5A	1.5	136,000
	PE96.600/5A	600/5A	1.5	136,000
	PE96.800/5A	800/5A	1.5	136,000
	PE96.1000/5A	1000/5A	1.5	136,000
	PE96.1200/5A	1200/5A	1.5	136,000
	PE96.1600/5A	1600/5A	1.5	136,000
	PE96.2000/5A	2000/5A	1.5	136,000
	PE96.2500/5A	2500/5A	1.5	136,000
	PE96.3000/5A	3000/5A	1.5	136,000
	PE96.4000/5A	4000/5A	1.5	136,000
	PE96.5000/5A	5000/5A	1.5	136,000
	PE96.6000/5A	6000/5A	1.5	136,000
	PE.VS			165,000
	PE.AS			165,000

BIẾN ÁP ĐIỀU KHIỂN

Hình ảnh & kích thước	Mã hàng	Tỉ số biến áp (In/Out)	VA	Đơn giá VND (chưa VAT)
	NCTF0025	0-230-415/0-12-24-110V	25	640,000
	NCTF0040	0-230-415/0-12-24-110V	40	710,000
	NCTF0050	0-230-415/0-12-24-110V	50	840,000
	NCTF0075	0-230-415/0-12-24-110V	75	980,000
	NCTF0100	0-230-415/0-12-24-110V	100	1,230,000
	NCTF0150	0-230-415/0-12-24-110V	150	1,390,000
	NCTF0300	0-230-415/0-12-24-110V	300	2,420,000

Điều khoản thương mại

Bảng giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%

Thời gian bảo hành: **18 tháng kể từ ngày giao hàng.**

Trân trọng kính chào.

Áp dụng từ ngày 01/01/2022

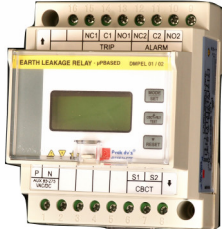
Relay bảo vệ điện áp

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	MPVR-SPL (96x96)	Relay bảo vệ điện áp MPVR - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng màn hình LCD - Mạng điện bảo vệ 3P 4W (240V P-N) - Bảo vệ thấp áp, quá áp, ngược pha, mất pha - Thời gian tác động: 1 ~ 30s - Kích thước: 96 x 96 x 70 mm	1,900,000

Relay bảo vệ quá dòng

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	MPOC-SPL (96x96)	Relay bảo vệ quá dòng MPOC - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng màn hình LCD - Dòng định mức: $I_n = (5A \sim 5000A)$, $I_p = (1A - 5A)$ - Nguồn cấp 85 ~ 275V AC/DC - Reset bằng tay/ tự động, 2 cặp tiếp điểm ngõ ra (2 C/O) cài đặt riêng biệt. - Chức năng lưu lại sự cố theo thời gian thực (RTC) - Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60255 - Cài đặt mức tác động thấp: + Dòng quá tải: $(0.1 \sim 1.2)I_n - (10\% \sim 120\%)$ + Thời gian tác động: (IDMT - 6 đặc tuyến) - TM 0.05 ~ 1 - Cài đặt mức tác động cao: + Dòng ngắn mạch: $(0.1 \sim 9.9)I_n - (10\% \sim 990\%)$ + Thời gian tác động: cài đặt (0.05S ~ 2.5S) - Kích thước: 96 x 96 x 82 mm	2,100,000

Relay bảo vệ chạm đất

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	MPEF-SPL (96x96)	Relay bảo vệ chạm đất - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng màn hình LCD - Dòng định mức: $I_n = (5A \sim 5000A)$, $I_p = (1A - 5A)$ - Nguồn cấp 85 ~ 275V AC/DC - Reset bằng tay/ tự động, 2 cặp tiếp điểm ngõ ra (2 C/O) cài đặt riêng biệt. - Chức năng lưu lại sự cố theo thời gian thực (RTC) - Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60255 - Cài đặt mức tác động thấp: + Dòng chạm đất: $(0.02 \sim 1)I_n - (2 \sim 100\%)$ + Thời gian tác động: (IDMT - 6 đặc tuyến) - TM 0.05 ~ 1 - Cài đặt mức tác động cao: + Dòng ngắn mạch: $(0.02 \sim 9.99)I_n - (2\% \sim 999\%)$ + Thời gian tác động: cài đặt (0.05S ~ 2.5S) - Kích thước: 96 x 96 x 82 mm	1,500,000
	DMPEF-SPL DinRail	- Chức năng lưu lại sự cố theo thời gian thực (RTC) - Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60255 - Cài đặt mức tác động thấp: + Dòng chạm đất: $(0.02 \sim 1)I_n - (2 \sim 100\%)$ + Thời gian tác động: (IDMT - 6 đặc tuyến) - TM 0.05 ~ 1 - Cài đặt mức tác động cao: + Dòng ngắn mạch: $(0.02 \sim 9.99)I_n - (2\% \sim 999\%)$ + Thời gian tác động: cài đặt (0.05S ~ 2.5S) - Kích thước: 96 x 96 x 82 mm	1,500,000

Relay bảo vệ kết hợp quá dòng - chạm đất

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	MPOCEF-R (96x96)	Relay bảo vệ quá dòng kết hợp chạm đất MPOCEFR - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng màn hình LCD - Dòng định mức: $I_n = (5A \sim 5000A)$, $I_p = (1A - 5A)$ - Ghi lại giá trị sự cố trước đó (100 sự cố theo thời gian thực RTC) - Cài đặt mức tác động thấp (Low-set): + Dòng quá tải: $I > = (0.1 \sim 1.2)I_n$ - (10% đến 120%) + Dòng chạm đất: $I_o > = (0.02 \sim 9.9)I_n$ - (2% đến 990%) + Thời gian tác động: (6 đặc tuyến IDMT). $T_M = 0.05 - 1s$ - Cài đặt mức tác động cao (High-set): + Dòng ngắn mạch: $I >> = (0.1 \sim 9.9)I_n$ - (10% đến 990%) hoặc Vô hiệu + Dòng chạm đất: $I_o >> = (0.02 \sim 9.9)I_n$ - (2% đến 990%) hoặc Vô hiệu + Thời gian tác động: xác định $t >> = (0.05s - 2.5s)$ - Kích thước: 96 x 96 x 70 mm - Cắt tủ: 92 x 92 mm - Nguồn cung cấp : 85 đến 275 V AC/DC	3,800,000
	PNA442 (144x144)	Tính năng đặc biệt Relay kết hợp PNA442-BP - Chức năng Reset bằng tay / từ xa. - Chức năng truyền thông RS485 - Modbus RTU - Cài đặt mức tác động thấp (Low-set): + Dòng quá tải: $I > = (0.05 \sim 2.5)I_n$ - (5% đến 250%) + Dòng chạm đất: $I_o > = (0.05 \sim 0.8)I_n$ - (5% đến 80%) + Thời gian tác động: (9 đặc tuyến IDMT). $T_M = 0.1 - 1.6s$ - Cài đặt mức tác động cao (High-set): + Dòng ngắn mạch: $I >> = (2 \sim 30)I_n$ - (200% đến 3000%) hoặc Vô hiệu + Dòng chạm đất: $I_o >> = (0.5 \sim 16)I_n$ - (50% đến 1600%) hoặc Vô hiệu + Thời gian tác động: xác định $t >> = (0.00s - 1.6s)$ - Kích thước: 144 x 144 x 110 mm - Cắt tủ: 138 x 138 mm	5,400,000

Relay bảo vệ dòng rò

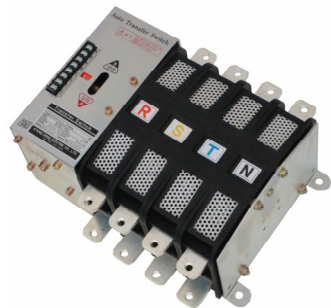
Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá (VND)
	MPEL-SPL	Relay bảo vệ dòng rò MPEL / DMPEL - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng màn hình LCD - Tín hiệu ngõ vào: từ ZCT, Nguồn cấp 85 ~ 275V AC/DC - Reset bằng tay/ tự động, 2 cặp tiếp điểm ngõ ra (2 C/O) - Báo lỗi khi ngõ vào ZCT bị hở - Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60255	1,400,000
	DMPEL-SPL	- Cài đặt mức tác động: + Dòng chạm đất: 30mA ~ 30A + Thời gian tác động: 0.05 ~ 5S - Kích thước: 96 x 96 x 82 mm	1,400,000
	ZCT 35	Biến dòng thứ tự không (ZCT) - Đường kính trong: 35mm, 70mm, 120mm, 210mm	550,000
	ZCT 70		700,000
	ZCT 120		1,400,000
	ZCT 210		2,650,000

Điều khoản thương mại:

Bảng giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%.

Thời gian bảo hành: **18 tháng kể từ ngày giao hàng.**

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ CHUYỂN NGUỒN TỰ ĐỘNG ATS KYUNG DONG - HÀN QUỐC



(100A~600A)



(600A~3200A)



(ATS CONTROLLER)

Áp dụng từ ngày 01/01/2022						
LOẠI	ĐẤU DÂY	CHU KỲ	MÃ HÀNG	DÒNG ĐỊNH MỨC	SỐ CỰC	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
ATS KYUNG DONG AC660V - DC125V AC220V  Scan Me !	FRONT	ON-ON	KD06-F301A	100A	3	10,000,000
			KD06-F401A		4	11,000,000
			KD06-F302A	200A	3	10,500,000
			KD06-F402A		4	11,600,000
			KD06-F303A	250A	3	11,500,000
			KD06-F403A		4	13,500,000
			KD06-F304A	400A	3	15,500,000
			KD06-F404A		4	18,200,000
			KD06-F306A	600A	3	17,500,000
			KD06-F406A		4	21,500,000
	BACK	ON-OFF-ON	KD06-B306A	600A	3	23,500,000
			KD06-B406A		4	27,000,000
			KD06-B308A	800A	3	25,000,000
			KD06-B408A		4	31,000,000
			KD06-B310A	1000A	3	26,500,000
			KD06-B410A		4	34,000,000
			KD06-B312A	1200A	3	42,500,000
			KD06-B412A		4	53,000,000
			KD06-B316A	1600A	3	45,500,000
			KD06-B416A		4	57,000,000
			KD06-B320A	2000A	3	60,000,000
			KD06-B420A		4	76,000,000
			KD06-B325A	2500A	3	84,000,000
			KD06-B425A		4	100,000,000
			KD06-B332A	3200A	3	110,000,000
			KD06-B432A		4	132,000,000
ATS CONTROLLER	ON-ON		KD06-30			4,500,000
	ON-OFF-ON		KD06-40			5,000,000

Điều khoản thương mại

Bảng giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%

Thời gian bảo hành: 24 tháng kể từ ngày giao hàng.

Trân trọng kính chào.

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN SMARTGEN - DEEPSEA - 2022

Áp dụng từ ngày 01/01/2022

Bộ điều khiển ATS

Hình ảnh SP	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá VND
	HAT310	- Bộ điều khiển ATS dạng nhỏ gọn gắn Dinrail - Điều khiển ATS 2 vị trí (ON-ON) - Điều chỉnh thời gian chuyển mạch bằng các biến trở - Chức năng bảo vệ mất pha, thấp áp, quá áp..	1,200,000
	HAT520N HAT530N	- Bộ điều khiển ATS gắn mặt tủ - Điều khiển ATS 2 vị trí (ON-ON), ATS 3 vị trí (ON-OFF-ON) - Chức năng bảo vệ mất pha, ngược pha, điện áp, tần số.. - Điều khiển bằng tay và tự động Chức năng chọn nguồn điều khiển - Kích thước khoét tủ: 130x111mm	2,000,000
	HAT552 HAT553	- Bộ điều khiển ATS đa chức năng gắn mặt tủ - Điều khiển ATS 2 vị trí (ON - ON), 3 vị trí (ON-OFF-ON) - Chức năng bảo vệ mất pha, ngược pha, điện áp, tần số.. - Điều khiển bằng tay và tự động - Màn hình hiển thị thông số điện áp, tần số - Kích thước khoét tủ: 130x111mm	2,300,000
	HAT560NB/ HAT560NBC	- Bộ điều khiển ATS đa chức năng gắn mặt tủ - Điều khiển ATS 2 vị trí (ON - ON), 3 vị trí (ON-OFF-ON) - Chức năng bảo vệ mất pha, ngược pha, điện áp, tần số.. 2 Input/ 4 Output cài đặt được từng chức năng riêng biệt Chức năng chọn nguồn điều khiển - Màn hình hiển thị thông số điện áp, tần số - Lưu trữ lỗi theo thời gian thực, Modbus RTU - Kích thước khoét tủ: 130x111mm	3,600,000
	HAT700B	- Bộ điều khiển ATS đa chức năng gắn mặt tủ - Điều khiển ATS 3 vị trí (ON-OFF-ON) - Chức năng bảo vệ mất pha, ngược pha, điện áp, tần số.. - Điều khiển bằng tay và tự động - Chức năng truyền thông Modbus RTU - RS485 4 Input/ 6 Output cài đặt được từng chức năng riêng biệt - Lưu trữ giá trị lỗi theo thời gian thực - Kích thước khoét tủ: 186x141mm	4,600,000
	HAT821	- Bộ điều khiển ATS đa chức năng gắn mặt tủ - Điều khiển ATS dạng 3 ACB - Coupling - Chức năng bảo vệ mất pha, ngược pha, điện áp, tần số - Chức năng truyền thông Modbus RTU - RS485 8 Input/ 12 Output cài đặt được từng chức năng riêng biệt - Lưu trữ giá trị lỗi theo thời gian thực - Kích thước khoét tủ: 242x161mm	2,000,000
	DSE331/ DSE334/ DSE335	- Bộ điều khiển ATS đa chức năng gắn mặt tủ - Chức năng bảo vệ mất pha, ngược pha, điện áp, tần số.. - Điều khiển bằng tay và tự động 10 Input/ 5 Output cài đặt được từng chức năng riêng biệt - Lưu trữ giá trị lỗi theo thời gian thực - Kích thước khoét tủ: 182x137mm	Liên hệ

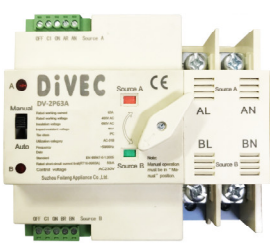
Bộ điều khiển máy phát điện

Kích thước	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá VND
	HGM410N HGM420N	- Bộ điều khiển máy phát điện - Tích hợp 4 DI / 6DO và 3 AI cài đặt tùy chọn - Ngõ vào dòng điện đo chỉ số Ampe và kWh - Chức năng giao tiếp RS485, CANBUS - Chức năng điều khiển ATS (HGM420N) - Kích thước khoét tủ: 186x141mm	2,800,000
	HGM6110N	- Bộ điều khiển máy phát điện - Tích hợp 5 DI / 6DO và 3 AI cài đặt tùy chọn - Ngõ vào dòng điện đo chỉ số Ampe và kWh - Chức năng giao tiếp RS485, CANBUS - Kích thước khoét tủ: 186x141mm	3,200,000
	HGM6120N	- Bộ điều khiển máy phát điện - Tích hợp 5 DI / 6DO và 3 AI cài đặt tùy chọn - Ngõ vào dòng điện đo chỉ số Ampe và kWh - Chức năng điều khiển AMF - Chức năng giao tiếp RS485, CANBUS - Kích thước khoét tủ: 186x141mm	3,500,000
	DSE6110-MKII DSE6120-MKII	- Bộ điều khiển máy phát điện - Tích hợp 8DI / 6DO và 4AI cài đặt tùy chọn - Ngõ vào dòng điện đo chỉ số Ampe và kWh - Chức năng điều khiển AMF (DSE6120) - Chức năng giao tiếp RS485, CANBUS - Kích thước khoét tủ: 184x137mm	6,800,000
	DSE7310 MKII DSE7320 MKII	- Bộ điều khiển máy phát điện - Tích hợp 9DI / 8DO và 4AI cài đặt tùy chọn - Ngõ vào dòng điện đo chỉ số Ampe và kWh - Chức năng điều khiển AMF (DSE7320) - Chức năng giao tiếp RS485, CANBUS - Kích thước khoét tủ: 220x160mm	7,500,000

Bộ điều khiển hòa đồng bộ

Hình ảnh	Mã hàng	Tính năng	Đơn giá VND
	HGM9510	- Bộ điều khiển hòa đồng bộ máy phát điện - Tích hợp 7DI / 8DO và 5 AI cài đặt tùy chọn - Ngõ vào dòng điện đo chỉ số Ampe và kWh - Chức năng giao tiếp RS485, CANBUS - Kích thước khoét tủ: 214x160mm	Liên hệ
	DSE8610 MKII	- Bộ điều khiển hòa đồng bộ máy phát điện - Tích hợp 12DI / 10DO và 4 AI cài đặt tùy chọn - Ngõ vào dòng điện đo chỉ số Ampe và kWh - Chức năng giao tiếp RS485, CANBUS - Kích thước khoét tủ: 220x160mm	28,000,000

ATS Mini lắp tủ điện âm tường

	DV 2P 63A	- Bộ ATS Mini dùng cho tủ âm tường - Chức năng ưu tiên nguồn A - Nguồn điều khiển 220V AC - Chế độ điều khiển bằng tay hoặc tự động - Tiếp điểm trạng thái nguồn A và B (tín hiệu chạy máy phát điện) - Kích thước: 2P: 6 Pole 3P: 8 Pole 4P: 10 Pole	1,000,000
	DV 3P 63A		1,300,000
	DV 4P 63A		1,600,000

Phụ kiện

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Đơn giá VND
	BAC 06A	Bộ sạc Acquy SmartGen BAC06A 12/24VDC - 6/3A	900,000
	ZH-CH2804A	Bộ sạc Acquy Aspire 12-24VDC - (4A, 6A, 10A)	600,000
	ZH-CH2806A		800,000
	ZH-CH2810A		1,000,000
		Board GAVR 8A	230,000
		Board GAVR 15A	450,000
		Solenoi tắt máy phát	450,000
		Cảm biến nước	250,000
		Cảm biến nhớt	250,000

Điều khoản thương mại:

Bảng giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%.

Thời gian bảo hành: **12 tháng kể từ ngày giao hàng.**

Trân trọng kính chào.

Hiệu lực từ ngày 01/01/2022														
HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	TÍNH NĂNG	DÒNG ĐIỆN	ĐƠN GIÁ										
 <table><tr><td colspan="2">2/T1</td><td colspan="2">4/T2</td><td>6/T3</td></tr><tr><td>L1 A1</td><td>L2 A2</td><td>COM 95</td><td>NC 96</td><td>NO 98</td></tr></table>	2/T1		4/T2		6/T3	L1 A1	L2 A2	COM 95	NC 96	NO 98	SP / EP	- Bảo vệ quá tải, mất pha, kẹt rotor - Gắn trực tiếp lên Contactor: - LS: MC9, MC18, MC32, MC40A - Mitsubishi: S-T20, S-T25, S-T32, S-T35, S-T50A - Thời gian quá tải + khởi động: 0 ~ 10S - Điện áp: 180 ~ 460 VAC	10A (0.5 ~ 10A) 30A (1.5 ~ 30A) 50A (5 ~ 50A)	440,000
2/T1		4/T2		6/T3										
L1 A1	L2 A2	COM 95	NC 96	NO 98										
 <table><tr><td colspan="2">2/T1</td><td colspan="2">4/T2</td><td>6/T3</td></tr><tr><td>L1 A1</td><td>L2 A2</td><td>COM 95</td><td>NC 96</td><td>NO 98</td></tr></table>	2/T1		4/T2		6/T3	L1 A1	L2 A2	COM 95	NC 96	NO 98	ES	- Bảo vệ quá tải, mất pha, kẹt rotor - Đấu dây qua Terminal trên thân - Thời gian quá tải + khởi động: 0 ~ 10S - Điện áp: 180 ~ 460 VAC	6A (0.5 ~ 6A) 10A (0.5 ~ 10A) 30A (1.5 ~ 30A) 50A (5 ~ 50A)	440,000
2/T1		4/T2		6/T3										
L1 A1	L2 A2	COM 95	NC 96	NO 98										
 <table><tr><td>L1 A1</td><td>L2 A2</td><td>COM 95</td><td>NC 96</td><td>NO 98</td></tr></table>	L1 A1	L2 A2	COM 95	NC 96	NO 98	SS2	- Bảo vệ quá tải, mất pha, kẹt rotor - Xỏ dây qua thân thiết bị - Thời gian quá tải: 0 ~ 10S - Thời gian khởi động: 0 ~ 30S - Điện áp: 180 ~ 460 VAC	10A (0.5 ~ 10A) 60A (6 ~ 60A)	620,000					
L1 A1	L2 A2	COM 95	NC 96	NO 98										
	120A (12 ~ 120A)	650,000												
 <table><tr><td>L1 A1</td><td>L2 A2</td><td>COM 95</td><td>NC 96</td><td>NO 98</td></tr></table>	L1 A1	L2 A2	COM 95	NC 96	NO 98	SS3	- Bảo vệ quá tải, mất pha, kẹt rotor - Xỏ dây qua thân thiết bị - Thời gian quá tải: 0 ~ 10S - Thời gian khởi động: 0 ~ 30S - Điện áp: 180 ~ 460 VAC	10A (0.5 ~ 10A) 60A (6 ~ 60A)	710,000					
L1 A1	L2 A2	COM 95	NC 96	NO 98										
	120A (12 ~ 120A)	730,000												
 <table><tr><td>L1 A1</td><td>L2 A2</td><td>COM 95</td><td>NC 96</td><td>NO 98</td></tr></table>	L1 A1	L2 A2	COM 95	NC 96	NO 98	UC2 (Under Current)	- Bảo vệ chống thấp dòng, non tải cho động cơ - Thời gian non tải: 0 ~ 10s - Điện áp: 180 ~ 460 VAC	10A (0.5 ~ 10A) 60A (6 ~ 60A)	710,000					
L1 A1	L2 A2	COM 95	NC 96	NO 98										
	120A (12 ~ 120A)	730,000												

Điều khoản thương mại

Bảng giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%.

Thời gian bảo hành: **12 tháng** kể từ ngày giao hàng.

Trân trọng kính chào.



SmartGen



SELEC
Creating Best Value



Pyrok dv's®

OPR
Overcurrent Protection Relay

DSE DEEP SEA
ELECTRONICS

DiVEC



Schneider
Electric

csemco
O-Sung Electric Machinery Co., Ltd.

socomec
Innovative Power Solutions

SIEMENS

OMRON



NUINTEK
Challenge & Passion



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ĐIỆN VIỆT

Trụ sở chính: 58 Vân Côi, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh
VPGD: 443/6F Chiến Lược, Tân Tạo, Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 2253 6775 - Hotline: 0919 31 8800 - 0917 02 7700
Website: divico.vn - Email: info@divico.vn